TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 4 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 4 · Đề số 44

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Làm tròn số 4 991 991 đến hàng trăm nghìn ta được số:

A. 5 100 000 **B.** 4 900 000 **C.** 5 000 000 **D.** 4 990 000

Câu 2. *(0,5 điểm)* Số «Tám trăm bảy mươi tám nghìn ba trăm chín mươi lăm» viết là:

A. 8 780 395 **B.** 878 095 **C.** 878 395 **D.** 888 395

Câu 3. *(0,5 điểm)* Có bao nhiêu số chẵn từ 78 239 đến 78 254?

A. 15 **B.** 8 **C.** 7 **D.** 9

Câu 4. *(0,5 điểm)* Số bé nhất trong các số 162 303, 261 303, 162 403, 261 293 là:

A. 162 403 **B.** 261 293 **C.** 162 303 **D.** 261 303

Câu 5. *(0,5 điểm)* Tính bằng cách thuận tiện: 7784 + 7257 + 2743 = …….

A. 17 794 **B.** 17 784 **C.** 18 784 **D.** 17 684

Câu 6. *(0,5 điểm)* Hình chữ nhật có chu vi 82 cm, chiều dài hơn chiều rộng 7 cm. Chiều dài hình chữ nhật là:

A. 44 cm **B.** 17 cm **C.** 26 cm **D.** 24 cm

Câu 7. *(0,5 điểm)* Năm 1076 thuộc thế kỉ nào?

A. thế kỉ X **B.** thế kỉ IX **C.** thế kỉ XII **D.** thế kỉ XI

Câu 8. *(0,5 điểm)* Góc có số đo 90° là:

A. góc tù **B.** góc vuông **C.** góc nhọn **D.** góc bẹt

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Cho dãy số: 24, 30, 36, 42, ……, 192. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Dãy có …… số

b) Số thứ 23 của dãy là: ……

Câu 10. *(1 điểm)* Tính bằng cách thuận tiện:

a) 5168 + 517 + 483 = ……

b) 3905 + 1874 − 905 = ……

c) 810 + 5117 + 90 = ……

Câu 11. *(1 điểm)* Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 418 534 + 209 389 = …….

b) 637 570 − 359 561 = …….

c) 13 271 × 6 = …….

d) 39 935 : 5 = …….

Câu 12. *(1 điểm)* Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Số 8 751 816 là số lẻ	
b) Hai đường thẳng vuông góc tạo thành bốn góc vuông	
c) Góc tù lớn hơn góc vuông	
d) Năm 1618 thuộc thế kỉ XVI	

Câu 13. *(1 điểm)* Một hình thoi có chu vi 52 cm. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Độ dài cạnh hình thoi: ……. cm

b) Chu vi hình vuông có cạnh bằng cạnh hình thoi: ……. cm

c) Diện tích hình vuông đó: ……. cm^2

Câu 14. *(1 điểm)* Ngày thứ nhất cửa hàng bán được 1883 kg gạo. Ngày thứ hai bán được gấp 2 lần ngày thứ nhất. Ngày thứ ba bán được ít hơn ngày thứ hai 412 kg. Hỏi cả ba ngày cửa hàng bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

a) Ngày thứ hai bán được: ……. kg

b) Ngày thứ ba bán được: ……. kg

c) Cả ba ngày bán được: ……. kg

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 4 · Đề số 44

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	C	B	C	B	D	D	B

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) (192 − 24) : 6 + 1 = 29 (số)

b) 24 + (23 − 1) × 6 = 156

Câu 10.

a) 5168 + (517 + 483) = 5168 + 1 000 = 6168

b) (3905 − 905) + 1874 = 3000 + 1874 = 4874

c) (810 + 90) + 5117 = 900 + 5117 = 6017

Câu 11.

a) 418 534 + 209 389 = 627 923

b) 637 570 − 359 561 = 278 009

c) 13 271 × 6 = 79 626

d) 39 935 : 5 = 7987

Câu 12.

a) S; b) Đ; c) Đ; d) S

Câu 13.

a) 52 : 4 = 13 (cm)

b) 13 × 4 = 52 (cm)

c) 13 × 13 = 169 (cm²)

Câu 14.

Ngày thứ hai: 1883 × 2 = 3766 (kg)

Ngày thứ ba: 3766 − 412 = 3354 (kg)

Cả ba ngày: 1883 + 3766 + 3354 = 9003 (kg)